

# T IẾNG CHUÔNG ĐỒNG

“Chúa ơi! sao Cha xứ mình keo thế!” “Cha keo thì bà bếp cũng khổ, chả bao giờ được ăn miếng thịt!” Chuyện Cha xứ hà tiện lại được đem ra làm đề tài. “Chả bao giờ mua sắm cái gì cả. Chắc Cha phải có hàng trăm ngàn!” Một bà khác: “Có một thân một mình, chả mấy ngày không có lễ mỗ bậc nhất! Lại còn mấy sào ruộng nhà xứ nữa!” Có giọng thêm vào: “Còn mấy cây xoài chung quanh nhà thờ để làm gì! Cứ tiền bán xoài năm nay thì Cha cũng đủ tiêu cả năm!” Dựa lưng vào tường, bà quản giáo góp lời: “Mà lạy Chúa tôi! Bà bếp cũng chịu khó quá, cả rau cỏ cũng chẳng phải mua!” Chạy ra góc cau nhỏ miếng nước trà, bà phó hội buông một câu sắc như dao: “Gớm! Ở với Cha xứ keo như thế thì không chịu khó cũng chả được!” Mùa lúa gặt xong, không còn chuyện đầu làng cuối xóm, các bà quay về chuyện Cha xứ.

Gian phòng không gì đáng giá vài trăm bạc. Chiếc bàn gỗ cạnh cửa sổ không sơn phết. Cánh tủ bị nứt một đường lớn, dán có thể chui qua. Tủ không bao giờ khóa nhưng cũng treo lủng lẳng một chiếc khóa sắt sét rỉ. Đôi giầy cất trên nóc tủ, chỉ đi vào những ngày lễ trọng. Cái giường gỗ mộc, chiếc gối đầu đan bằng tre mây cạnh chiếc mền có dấu hiệu hai bàn tay bắt nhau của Mỹ viện trợ cho dân di cư năm 1954. Chiếc mũ loại chủ đồn điền cao su người Pháp ngày xưa, móc vào cây đinh trên cột mừng. Chiếc đồng hồ quả quýt tróc sơn với những con số la mã, để ở cạnh chỗ mấy cuốn sách Latin. Đáng giá nhất: Cái xe đạp.

Ngoài phòng khách: Chiếc bàn dài, mỗi bên ngồi được mười người, trải tấm nhựa có in hình trái dừa với ô vuông màu xanh đậm. Một chai nước lọc không đậy nút, che bằng chiếc phễu làm bằng giấy. Dăm ba chiếc ly trên chiếc khay nhôm. Hình đức Cha địa phận trên tường đã bạc màu. Vào ngày Tết có thêm bình nước trà và bình thủy đựng nước nóng. Ngoài ngày Tết, bà bếp lại cất đi.

Cái hà tiện mà mấy bà hay mở đầu câu chuyện là những bữa cơm của Cha. Miệt quê chỉ họp chợ vào ban sáng. Chợ họp từ tờ mờ cho đến khi rõ mặt trời thì tan. Cứ xem người đi chợ mà biết ngày hôm đó họ ăn gì, kinh tế gia đình ấy ra sao. Ở ngôi làng nhỏ này, người ta chẳng những biết tính tình, gia thế của nhau mà còn biết nhiều thứ khác nữa. Cha già cũng không thoát khỏi những thứ biết ấy. Chẳng phải là việc của các bà, nhưng có vậy thì mới có chuyện mà nói chứ. Các bà cứ bực mình là tại sao Cha xứ có tiền mà chẳng bao giờ dám ăn ngon. Nào là bà bếp chỉ mua tép để kho mặn, họa huân mới mua thịt thì chỉ mua một miếng bằng ngón tay để bằm nhỏ nấu canh hoa thiên lý! Nói thì nói vậy, chứ các bà cũng thương ngài lắm. Chẳng ai chê trách Cha già được điều gì cả. Cha hiền từ, nhân đức, không hề làm mất lòng ai. Chỉ có điều làm các bà cứ bực mình là tiền Cha để làm gì, có một thân già tội gì mà phải ăn uống như thế cho nó khổ!

Không hôm nào cửa sổ trên gian cung thánh không mở từ một giờ trưa đến ba giờ chiều. Giờ Cha cầu nguyện. Nó như cái đồng hồ chạy gần hai mươi năm nay, không bao giờ sai. Không ai biết quê quán Cha ở đâu. Từ ngày di cư năm 1954 đến ngày Cha về hưu là mười chín năm mà không có người bà con nào đến thăm. Cha cũng không hề bỏ xứ đi vắng trừ những dịp cấm phòng. Có lần ông trùm hỏi:

- Sao Cha không bao giờ đi đâu cả?

- Đi thì mình cũng tốn mà chủ nhà đón khách cũng tốn!

Không biết nói thật hay chơi, câu trả lời bất hủ ấy càng làm cho các bà thêm chuyện về tính hà tiện của một Cha già.

---oOo---

Bắt đầu bàn chuyện xây nhà thờ cũng là thời điểm Cha già có thể về hưu. Đức Cha đã cho phép ngài nghỉ. Sau hai mươi năm di cư, nhà thờ xây tạm từ ngày định cư đầu tiên trên khu đất hoang, bắt đầu sụp đổ. Mái tôn viện trợ hai mươi năm trước đã mục, mưa dột. Cửa sổ long bản lề, nhiều cái đã đóng chằng bằng những khúc ván thông. Những năm đó là thời gian quân đội Mỹ còn ở Việt Nam. Vào khoảng thời gian này, nhiều nhà thờ cũng đã được xây lại nhờ sự trợ giúp do thiện chí của quân đội đồng minh.

Hơn một năm quyên góp mà chẳng đi đến đâu. Làng nghèo. Hết đóng tự ý lại bỏ nhân danh, cứ đầu người mà đóng, nhiều đóng nhiều, ít đóng ít. Đông con, nhà nghèo lại phải đóng nhiều nên sinh lắm chuyện chẳng hay. Kẻ đóng tiền, người nộp thóc. Đóng góp mãi dân chúng xót ruột. Không đóng sợ bị trục xuất, chết không có người đưa. Kêu ca, nhưng biết làm sao, nhà thờ bắt đầu đổ, giá nào cũng phải làm lại. Nhiều linh mục xin Mỹ giúp mà làm được nhà thờ. Thấy các xứ chung quanh có nhà thờ, dân lại càng bực bội. “Sao Cha không xin lính Mỹ ít gỗ, ít xi măng”. Đối với Cha già, hình như quân đội đồng minh không hề có mặt ở đây: “Nhà thờ của các con thì các con phải xây lấy.”

Tiền thu không đủ, nhưng đợi đến bao giờ. Chạy từng thùng thóc. Vật giá leo thang vùn vụt. Nhà thờ hư quá rồi không chần chừ được nữa. Vào một ngày nọ, Cha già quyết định khởi công. Có ai là người phấn khởi vì biết ngày nào hoàn thành! “Rõ thật là chuyện các Cha già!” “Cứ tay mà cuộc thì đến bao giờ, chỉ nhờ xe Mỹ ủi cho vài nhát là xong!” Cẩn thận. Nhưng sau một tháng thì nền nhà thờ cũng thành hình. Hàng trăm nhát cuộc góp lại, kiến tha lâu có ngày đầy tổ. Cả xứ làm nhân công, người lớn gánh đất, con nít khuân gạch. Tường bắt đầu xây. Có lòng góp sức, nhưng vật liệu rồi cũng cạn. Ôi! Lực bất tòng tâm. Nhà nhờ dang dở. Hy vọng mong manh và niềm vui thành cẩn thận.

---oOo---

Thế rồi bất chợt một ngày, có tiếng loan tin: “Các bà ơi, Mỹ nó giúp xứ mình rồi!” Buông miếng trầu trên tay: “Chuyện gì thế?” Vừa phe phẩy cái nón vừa hỏi hả: “Ra mà xem, xe chở bao nhiêu tôn đến.” Ngẩng đầu lên, một bà: “Đã bảo mà, cứ nhờ Mỹ ngay từ đầu thì có phải xong nhà thờ rồi không.” “Cha già thật lắm cảm, nó cho thì cứ xin chứ làm gì mà phải tự ái.” Những buổi chiều nhàn rỗi, đề tài lính Mỹ cũng thường được chiếu cố tận tình. Chỗ nào có Mỹ thì con gái hư hỏng. Chỗ nào có Mỹ thì có xì ke. Mỹ ở đâu thì tội ở đó. Nhưng từ ngày có những chuyến xe tiếp tế đến thì cái nhìn của các bà về lính Mỹ bớt hẳn học. Cái nhìn của kẻ thọ ơn đã xoay chiều.

Vật liệu tiếp tục chở về. Bàn tay với bàn tay. Sân nhà thờ vang tiếng cười. Ước mơ được ngôi giáo đường đang thành sự thật. Đối với xóm giáo di cư này thì không có gì bằng nhà thờ. Mất nhà thờ thì niềm tin ở vào đâu. Nhìn nhà thờ cao dần bắt đầu nghiêng thành bóng lúc ngả chiều, lòng người ai cũng rộng mênh mông chờ tiếng chuông khánh thành. Ngày ấy chắc phải vui lắm. Cứ mơ một khung trời mà ai cũng hân hoan.

Cha già lâm bệnh phải vào nhà thương lúc nhà thờ gần xong. Dấu hiệu cuối đời, tiếng điềm của thời gian cho một con người đã đến. Hai mươi năm trời không bao giờ Cha xa làng. Sáng dâng lễ, tối cầu kinh. Bỗng dưng hôm nay thiếu bóng Cha. Hình ảnh ấy lạ quá. Như chiếc kim đồng hồ đang đều đặn bỗng dưng rơi xuống. Tự nhiên xứ đạo vắng hẳn đi. Một thứ trống trải mà từ trước tới nay không ai cảm thấy. Buổi chiều bên giàn trầu. Chuyện của các bà: “Mới vắng Cha mấy hôm mà xứ vắng quá!” “Ừ, tôi cũng thấy thế, cứ như nhà có đám ma.”

Cha già xa xứ cả tuần lễ rồi. Khi có đau đớn và chia lìa thường làm con người quý xót thương và yêu mến bao dung. Buổi kinh trưa của các bà không còn thấy cửa sổ trên gian cung thánh mở nữa. “Tội nghiệp cho Cha, già cả rồi bây giờ lại đau yếu thì lấy ai mà chăm sóc lúc về hưu.” Không biết bao giờ Cha già mới khỏe. Mà bệnh gì vậy. Lại già cả rồi. Tình cảm này nuôi tiếc tình cảm kia. “Chúa ơi, Cha già mà chịu khó quá. Cứ lụ khụ khuân gạch một mình.” Một bà khác: “Chẳng ngày nào mà không đội cái nón trắng đi trộn cát với phu hồ, mà trời thì cứ nắng quá sức.” Phẩy chiếc quạt, có giọng tiếp: “Ừ, tôi nói thật đấy, khó có Cha xứ nào mà bì lại được với Cha xứ mình. Các Cha trẻ thì tài ngoại giao, chứ chả đạo đức như Cha già mình được đâu!” “Cha đã già rồi mà không nghỉ ngơi, làm làm gì cho thêm khổ vào thân!” Hôm nay chẳng bà nào nói đến cái tính hà tiện của Cha nữa. Bà nào cũng tỏ vẻ thương hại Cha. Sau cái hôm bị té ở cuối sân nhà thờ, Cha đau rồi lâm bệnh luôn. Trượt chân, không kịp buông tay chống, Cha ngã vào đống gạch.

---oOo---

Rồi chuyện ly biệt cũng đến. Đời như dòng nước cũng phải buông bờ mà xuôi về biển. Tình cảm nào, yêu thương hay ghét bỏ thì cũng có ngày tan theo hạt nắng, để mỗi linh hồn bay theo gió ngàn về bến bờ riêng của mỗi người. Sau khi khánh thành nhà thờ có một tuần lễ, Cha già già từ con chiền về hưu. Ngày từ biệt Cha ở sân nhà thờ, xứ đạo u buồn lắm. Rung rung lệ thương một Cha già đã gần hai mươi năm chung sống. Cha ra đi như một cái tang. Như một tàu cau sau những ngày che chở cho buồng cau kết trái, bây giờ nó xơ xác rụng xuống về với đất bụi. Già từ trời cao. Hình ảnh đơn sơ của Cha làm cho người ta bây giờ mũi lòng. Đồ đạc của Cha có chiếc vali, mấy thùng giấy đựng đồ. Chiếc xe đạp buộc trên nóc xe lam. Lòng xe còn rộng. Xe chuyển bánh. Một cánh lá bay về cuối đời, im lặng ở một chốn không còn tiếng chuông.

Người ta thường không quý những gì mình có, khi mất rồi mới mến thương. Hai mươi năm Cha con sống bên nhau. Có những gia đình từ đời cha đến đời con, xuống cháu đều đo tay Cha già ban phép cưới, rửa tội, làm lễ an táng. Cái nghĩa ấy chẳng dễ gì một sớm mà phai nhạt. Ngày Cha lên đường bỏ xứ đi mới là lúc họ thấy mình đã không phụng dưỡng Cha già cho đủ. Cái cảm tình của kẻ thấy mình không tròn ân nghĩa làm nhiều người hối hận. Trên sân nhà thờ hôm ấy, nhiều dòng nước mắt đã rơi. Cha đi rồi, giáo xứ vắng lạ lùng. Một im lặng bàn bạc mà phủ kín lòng người.

---oOo---

Cha ra đi để lại cho xóm đạo ngôi nhà thờ khang trang. Chuyện xây nhà thờ không đơn giản như tôi viết ở trên. Về sau này, khi Cha đi rồi người ta mới biết rõ. Chuyện là có lần ông trùm tò mò hỏi Cha: “Bẩm Cha, nhà thờ là do công lao của Cha. Chúng con chẳng biết nói sao để cảm ơn Cha.” Nói tới đó ông ngập ngừng, ông muốn hỏi xem ai là người đã trợ giúp vật liệu vì mọi người đều biết số tiền quyên góp không thể đủ mua tất cả. Nhưng ông không biết mở đầu làm sao cho gọn. Ông chỉ sợ hỏi Cha như thế là tò mò tọc mạch, nên đã mãi mà ông không tìm được câu vào đề cho đúng. Sau cùng ông đành ngập ngừng:

- Bẩm Cha, chúng con chỉ đóng góp được có phân nửa mà nhà thờ thì tới những bốn triệu, vậy ai giúp mình số tiền lớn đó hả Cha?

Cha già lắng nghe. Mắt trái của Cha vẫn còn bầm tím vì vết thương ngã ở đồng gạch chưa lành. Ngài ôn tồn nói như một điều rất bình thường: Chẳng có ai giúp mình cả. Các con phải cảm ơn vì sự quan phòng của Chúa. Đây là tiền mà các con biếu Cha, tiền các con xin Cha làm lễ. Hai mươi năm qua, những ngày sống với các con, Cha coi tiền ấy là tiền Cha giữ gìn các con. Số tiền Cha để dành vừa đủ để bù vào chỗ thiếu mà xây xong nhà thờ!

Hôm ấy ông trèm rót nước mắt. Im lặng. Khi ta im lặng nhìn xuống dòng đời, bấy giờ mới thấy có nhiều thứ xót thương nó thấm vào lòng. Trời ơi! Một số tiền lớn như thế. Hai mươi năm cần cù làm việc cho Chúa. Hai mươi năm dâng lễ, gìn giữ đồng tiền cho con chiên của mình để rồi về già ra đi với chiếc vali bạc màu, mấy thùng giấy đựng đồ và chiếc xe đạp cũ. Những chiếc xe chở vật liệu kia là tiền của Cha. Tất cả những bữa ăn khem khổ của Cha già là ở đây. Bằng ấy ngày xây nhà thờ mà có ông Mỹ nào đến chụp hình, quay phim đâu, sao không ai tinh ý mà nhìn ra điều đó.

Cha già vĩnh viễn xa mất rồi. Cha ra đi không bao giờ trở lại nữa. Không còn dịp nào để xem bà bếp của Cha sáng nay mua mấy con cá khô, mấy lạng đồ đen. “Sao Cha không cho chúng con biết bằng ấy năm Cha đã chắt chiu từng đồng cho chúng con. Nếu Cha không sống cực như thế thì làm sao chúng con có nhà thờ. Không cách nào chúng con xây được nhà thờ vì xóm giáo nghèo quá. Có phải Cha đã nhìn thấy từ hai mươi năm xa xưa về trước. Có phải qua những giờ Cha quỳ trước Minh Thánh Chúa hàng ngày mà Chúa đã mặc khải cho Cha hoàn cảnh xóm giáo chúng con hai mươi năm về sau. Cho đến bây giờ chúng con vẫn không hiểu nổi. Đời Cha là một nhiệm lạ với chúng con. Khi chúng con biết thì đã quá muộn cho một lời biết ơn. Hai mươi năm bên Cha, chúng con khâm phục mọi nhân đức của Cha. Cha nhân từ, Cha chịu khó, chúng con không trách Cha được một điều nào. Chúng con chỉ ao ước rằng giá Cha không hà tiện quá như thế, giá Cha không tham tiền như thế thì Cha nhân đức vẹn toàn. Hôm nay, chúng con mới biết những đồng tiền kia Cha cất ở đâu, để làm gì. Quá muộn rồi Cha ạ, cho một lời tạ lỗi, biết ơn của chúng con.”

## **Vĩnh biệt Cha!**

Mùa hè đầu tiên được mặc áo dòng về quê. Tôi vui lắm. Chả mấy lúc không nhìn mình trong gương. Tôi thích làm sao cái cổ con trắng áo dòng. Hè ấy, tôi về nhà hưu thăm Cha già thửa xưa, người đã viết giấy giới thiệu cho tôi đi tu. Từ những ngày là cậu giúp lễ, hôm nay tôi trở về báo tin vui cho Cha cậu bé ngày xưa đã lớn, đã chững chạc trong chiếc áo dòng có cổ con trắng đạo mạo. Cha đã diu tôi đi một đoạn đường, tôi nghĩ là Cha sẽ mừng lắm khi thấy tôi đang hăm hở lên đường như cậu bé vui mùa xuân.

Trên chuyến xe lam về nhà hưu, nhìn trời cao xanh, tôi thấy hồn mình cũng thênh thang theo. Ôn lại những kỷ niệm năm xưa. Tôi nhớ buổi chiều nọ, hôm ấy thấy dập dánh áo dòng của Cha ở ngõ, tôi không sợ, không chạy trốn Cha như hồi bé nữa mà ra đón Cha vào nhà chơi. Năm ấy vừa xong tiểu học, năm tôi đi tu. Buổi chiều đó, Cha đến nhắc cho tôi là còn hai ngày nữa hết hè tôi phải chuẩn bị về nhà trường. Mùa hè nào cũng thế, cứ còn vài ngày hết hè, Cha đến tận nhà nhắc cho mẹ tôi nhớ đến ngày tôi phải đi, cho đến ngày tôi đủ “tuổi khôn” Cha mới thôi. Cha biết rõ tất cả con chiên của Cha. Biết từng gia đình, trình trạng đạo đức, tình trạng con cái trong nhà. Ngay cả nhà nào có con

đến tuổi xung tội là Cha đến tận nhà mà nhắc. Hình ảnh này in đậm trong tâm trí tôi, nhắc nhở tôi về hình bóng của một chủ chăn biết rõ chiên của mình.

Những năm còn bé ấy, chiều thứ sáu đầu tháng nào chúng tôi cũng phải đi xung tội. Chính Cha đánh trống báo hiệu, mở cửa nhà thờ, kê tòa giải tội. Ban tối Cha dạy giáo lý. Cha bắt chúng tôi vào Legio Mariae, cũng phải phúc trình công tác hàng tuần, quét nhà mấy lần, vâng lời ba má mấy lần. Cha là linh mục lo cho con chiên và lo hết mình vì phần rỗi của họ. Về sau này làm linh mục, tôi mới thấy ngài giải tội cho con nít là một phiên toái. Nhưng ngày xưa, Cha già biết rằng tuổi thơ là trang giấy trắng cần viết vào đấy những hương nhân đức thật sớm. Cha đã không nhầm chán giải tội cho chúng tôi. Cha tập cho chúng tôi ngay còn bé đã biết quý trọng bí tích rỗi. Kỷ niệm này ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống linh mục của tôi sau này với tòa giải tội.

Khu nhà hưu thật vắng lặng. Hàng cây huynh diệp cao ngất giữa trời nắng hanh mùa hạ. Tiếng ve rí rả gọi sâu, nó chẳng phá được cái vắng lặng mà càng làm cho nỗi vắng có vẻ mênh mông. Lá huynh diệp rơi đầy lối vào, không ai quét cả. Mấy chú gà con chạy xào xạc bên bụi tre vàng ươm. Khu nhà giống như một tu viện cổ kính không có ai ra vào. Tôi hỏi cụ già đang rẫy cỏ trên mấy vòng khoai, cụ bảo Cha đang đọc kinh ở nhà nguyện.

Tôi ngồi ở hành lang đợi. Hơn một tiếng, Cha già chậm rãi đi ra. Cha bước từng bước chậm, khuờ khoạng với chiếc gậy gỗ. Cả hai mắt của Cha đã bị lòa. Tôi đến gần trước mặt mà Cha cũng chẳng nhìn thấy. Nghe tiếng tôi chào, Cha nhận ra tiếng ngay, khuôn mặt Cha mừng vui rạng rỡ. Cha giơ tay tìm tôi:

- Có phải con đây không?
- Dạ, con đây ạ.

Cha giơ tay tìm rồi nắm vai tôi. Buổi trưa ấy cũng là lần sau cùng, tôi không bao giờ gặp lại Cha già nữa. Lời Cha nói trước khi chia tay cũng là lời trần trối sau cùng. Tay run run, khuôn mặt tỏ rõ nỗi vui khi biết tôi đã đi được một quãng đường trên lý tưởng đời tu:

Trong cuộc đời linh mục, cha tâm đắc nhất 2 Lời Chúa sau đây:

- Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài.
- Tôi chính là Mực Tử nhân lành. Tôi biết chiên của tôi, và chiên của tôi biết tôi.

Giờ đây, cha có thể nói như ông Simêon: "Muôn lạy Chúa, giờ đây theo lời Ngài đã hứa, xin để tôi tớ này được an bình ra đi."

Từ biệt Cha ra về, rung lệ, tôi bù ngùi thương cảnh già của Cha. Trong nỗi bù ngùi, tôi cũng hạnh phúc vì bóng hình của Cha là sức mạnh nâng đỡ tôi bước tới. Cha bước can

trường trong thánh thiện, có thể đời Cha cũng có lúc lẻ loi chăng? Nhưng Cha đã đi trọn đời bằng những bước chân vô cùng anh hùng. Và tôi biết, Cha hạnh phúc vì thế giới bình an của Cha là Cha luôn có Chúa.

---oOo---

Rồi tôi bỏ nước ra đi. Tôi không bao giờ gặp lại Cha già nữa. Vào một buổi chiều tháng Năm ở trong một chủng viện miền trung nước Mỹ, tôi nhận được lá thư của đứa em gái gửi từ quê hương sang. Cuối đoạn thư đứa em viết:

*“...Em đã về sống với thầy mẹ rồi, không còn ở nhà dòng nữa. Nhà dòng đã bị người ta lấy. Các đệ tử nhỏ như tụi em đều phải về hết. Buồn quá anh nhỉ. Nhưng mà thôi, phải chấp nhận chứ biết sao hả anh. Mẹ vẫn thường nhắc về anh luôn. Mẹ bảo không hiểu sao cứ nghe tiếng chuông nhà thờ là mẹ lại nhớ đến anh. Mà kỳ lạ, em cũng vậy anh ạ. Ban chiều khi em cắt cỏ cho trâu ở ngoài đồng mà nghe tiếng chuông em thấy tâm hồn mình như chùng xuống. Nó buồn nao nao làm sao ấy anh ạ. Tiếng chuông như có an ủi, vỗ về mà cũng như lời buồn nhắc nhở về một thửa bình yên, một thửa an vui đã mất.*

*Anh biết không, trước ngày giải phóng thì các xứ đạo chung quanh chẳng xứ nào mua chuông, họ đều xài chuông đĩa. Bây giờ xăng nhớt hiếm hoi, chẳng xứ nào còn xăng chạy máy điện nữa nên chiều về không còn tiếng chuông. Đã bao năm sống trong tiếng chuông, lớn lên trong tiếng chuông, tiếng chuông đã là một phần đời của mình rồi. Bây giờ tiếng chuông bỗng vắng bật, xứ đạo như chết, im lìm lặng lẽ. Ai cũng buồn. Nhưng may cho xứ mình là trước khi về hưu, Cha già đã mua cho quả chuông đồng thật lớn. Bây giờ trong khi các xứ đạo khác thật vắng thì chỉ có tháp chuông nhà thờ mình là còn tiếng chuông kêu. Ban chiều ở ngoài đồng, hẳn nghe tiếng chuông là người ta sửa soạn về. Những xứ chung quanh đều hướng về xứ mình vì chỉ có một quả chuông duy nhất cho cả vùng. Tiếng chuông chiều nghe an ủi lắm anh ạ, nghe như Chúa vẫn còn ở với mình...”*

Nghĩ đến Cha già, tôi lại bồi hồi nhưng nhớ. Cha đã chết rồi, đã vĩnh viễn ra đi, nhưng đời Cha là tiếng chuông còn sót lại sau những luyện lọc bằng can đảm, nhẫn nại, bao dung. Trong cuộc đời lý tưởng, Cha đã là ngọn nến cháy để linh hồn tôi ấm trong những ngày mệt mỏi, trống vắng. Mỗi lúc muốn xây đắp cho riêng mình, mỗi khi nghĩ đến những công danh mà một người thanh niên có thể với tay vào đời, tôi lại nhớ về Cha. Cuộc đời Cha lại đốt cháy đi những ý nghĩ nhỏ nhoi trong hồn tôi.

*“...đấy là tiền của các con. Những ngày Cha sống với các con, Cha đã giữ tiền giùm các con. Đấy là tiền lễ mà các con xin. Cha đã tích góp trong hai mươi năm qua. Các con phải cảm ơn Chúa về sự quan phòng của Ngài....”*

Cha chẳng bao giờ nhìn thấy những chân trời rộng rãi. Cha không du học, không có bằng cấp. Cha chỉ là một linh mục nhà quê. Nhưng vào những ngày gian khổ nhất của đất nước, ở miền quê ấy, chỉ còn mỗi tiếng chuông của Cha sót lại.

Gấp lại tờ thư, tôi đã ngồi nhìn qua cửa sổ, mây lững lờ trôi.

Những ngày còn là chủng sinh, đi nghỉ hè, khi lái xe qua những cánh đồng lúa mì mênh mông miền Kansas, mỗi khi nhìn thấy tháp chuông nhà thờ bên xóm đạo ven đường, tôi lại nhớ đến lời trấn trối của bao nhiêu năm về trước: Trong cuộc đời linh mục, cha tâm đắc nhất 2 Lời Chúa sau đây: “*Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài. -Tôi chính là Mực Tử nhân lành. Tôi biết chiêm của tôi, và chiêm của tôi biết tôi...*”. Hồn tôi âm cúng lạ thường. Tôi vui với con đường tôi đi, tôi hạnh phúc với ơn gọi tôi chọn. Và tôi đã bước tới. Những lần nghe tiếng chuông giữa trời rất cao và rất rộng, hồn tôi thật thên thang.

Hôm nay, mỗi khi đi qua đâu, nhìn thấy tháp chuông, tôi lại nhớ về xóm đạo nhỏ ở rất xa. Tôi vẫn nghe tiếng chuông nhẩn nại, an ủi nổi vất vả của những con chiên miền quê. Mỗi khi nghe tiếng chuông thông thả ngân, tôi lại tin rằng còn rất nhiều những tiếng chuông đẹp như thế trong lòng Giáo Hội, tiếng chuông của những linh hồn bên Chúa rất thiết tha. Đặc biệt là tiếng chuông gắn liền với hình ảnh một linh mục già nhà quê nhưng lại âm thầm theo gương mực tử nhân lành của Đức Giêsu.

*Trích tập truyện ngắn TIẾNG GỌI PHÍA BÊN TRONG  
của Lm. Nguyễn Tâm Thường*